

Bản án số: 135/2023/HS-ST

Ngày: 30- 6- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Khiết – Giáo viên nguyên Hiệu trưởng trường trung học Bình Trị Đông quận Bình Tân.

2. Bà Kiều Thị Thanh Nguyên – Giáo viên Hiệu trưởng trường mầm non Tân Tạo A, quận Bình Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2023/TLST-HS, ngày 23 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/**T.T.Đ**; sinh ngày y/x/2xxx, tại: A; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Y; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khme; Tôn giáo: Không; giới tính: N; con ông N.Đ, sinh năm 19xx và bà T.T.H, sinh năm 19xx hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022 (Có mặt);

2/**N.C.K(Bé L)**; sinh ngày x/x/2xxx, tại: A; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã A, thị xã X, tỉnh Y; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K; Tôn giáo: Không; Giới tính: N; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông không rõ và bà N.T.T.K, sinh năm 19xx; hoàn cảnh gia

đình: Chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022 (Có mặt);

3/**Đ.Q.D**, sinh ngày x/y/2xxx, tại: B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm a, phường b, thị xã R, tỉnh X; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê, con ông Đ.N.T và bà B.N.Y, sinh năm: 19xx; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022 (Có mặt);

4/**N.T.B**; sinh ngày x/y/2xxx, tại: H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ a, phường x, xã y, tỉnh Z; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông N.T.H, sinh năm 19xx và bà N.T.H, sinh năm: 19xx; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không, Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022(Có mặt).

5/**N.V.T**; sinh năm 19xx, tại: Thành phố Z; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số a đường b, phường X, quận Y, Thành phố Z; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Con ông N.T.H, sinh năm 19xx và bà N.T.H.T, sinh năm: 19xx; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022(Có mặt).

6/**Đ.T.D**; sinh năm 19xx, tại: A; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp a, xã P, huyện T, Tỉnh N; Chỗ ở: a đường b, phường X, quận Y, Thành phố Z; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Con ông Đ.V.K, sinh năm 19xx và bà V.S.C, sinh năm: 19xx; Tiền án: Không; Tiền sự: 02; - Ngày 12/3/2019, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 15 tháng, kể từ ngày 17/12/2018. Chấp hành xong quyết định ngày 17/02/2020.

- Ngày 07/7/2020, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 21 tháng, kể từ ngày 13/4/2020. Chấp hành xong quyết định ngày 13/11/2021.

Nhân thân: Ngày 28/8/2014, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2014. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2015, đóng án phí ngày 06/10/2014.

- Ngày 09/11/2016, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 21 tháng,

kể từ ngày 21/8/2016. Chấp hành xong quyết định ngày 21/02/2018. Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022(Có mặt).

7/**H.T.N**; sinh năm 2xxx, tại: A; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không đăng ký. Chỗ ở hiện tại: Số a đường A, phường X, quận Y, Thành phố Z; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng; Con ông không rõ và bà H.T.M.T, sinh năm 19xx(chết); Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022(Có mặt).

8/**N.C.L**; sinh ngày x/y/2xxx, tại: A; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp a xã b, huyện X, tỉnh Y; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Con ông N.V.L, sinh năm 19xx và bà L.T.A.T, sinh năm: 19xx; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022(Có mặt).

9/**H.V.T**; sinh năm 2xxx, tại: H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực a, phường b, Thành phố X, tỉnh Z; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Con ông không rõ và bà H.T.Đ, sinh năm: 19xx; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 28/3/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, thời hạn phạt tù tính từ ngày 29/11/2018. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 29/5/2019, đóng án phí ngày 29/5/2019. Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022(Có mặt).

10/**N.T.T**; sinh năm 19xx, tại: A; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số a đường b, phường X, quận Y, Thành phố Z; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K; Tôn giáo: Không; giới tính: N; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Con ông N.H.P(Đã chết) và bà L.K.T, sinh năm: 19xx; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 16/4/2022(Có mặt).

Bị hại:

1/Ông N.M.T, sinh năm 19xx; Trú tại: Ấp a, xã b, huyện X, tỉnh Y; Chỗ ở: Số 1 đường a, phường B, quận X, Thành Z (Vắng mặt).

2/Ông T.H.Q, sinh năm 2xxx; Trú tại: Thôn 1, xã A, huyện X, tỉnh Y; Chỗ ở: Tổ a, khu phố b, phường x, quận B, Thành phố Z (Vắng mặt).

3/Ông H.K.T, sinh năm 2xxx; Trú tại: Số a Cư xá A, phường A, quận X, Thành phố Z(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông T.Q.C, Trú tại: Ấp a, xã b, huyện X, tỉnh Z (Vắng mặt)

2/Ông T.T.Đ, sinh năm: 19xx; Trú tại: Số 2 đường B, phường x, quận Y, Thành phố Z (Vắng mặt)

3/Bà Đ.T.T.D, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 2 đường C, phường X, quận Y, Thành phố Z (Vắng mặt).

4/Bà B.N.Y, sinh năm 19xx; Trú tại: Khóm a, phường b, Thị xã X, tỉnh Z(Vắng mặt)

5/Ông N.B.N, sinh năm 19xx; Trú tại: Số a đường A, phường B, quận X, Thành phố Z (Vắng mặt).

6/Ông Đ.D.Q, sinh năm 2xxx; Trú tại: Ấp, xã X, huyện A, tỉnh Z (Vắng mặt)

7/Ông B.T.H, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 1 đường A, phường B, quận X, Thành phố Z(Vắng mặt)

8/Ông H.K.T, sinh năm 19xx; Trú tại: Số d cư xá A, phường x, quận Y, Thành phố Z(Vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của bị cáo T.T.Đ:

Bà T.T.H, sinh năm 19xx; Trú tại: Số 2 đường H, phường B, quận X Thành phố Z (Mẹ ruột có mặt)

Đại diện hợp pháp của bị cáo N.C.K:

Bà N.T.T.K, sinh năm Trú tại: Ấp B, xã L, thị xã T, tỉnh X(Mẹ ruột bị cáo có mặt)

Đại diện hợp pháp của bị cáo Đ.Q.D:

Bà B.N.Y, sinh năm 19xx; Trú tại: Khóm 4, phường 1 ,Thị xã R, tỉnh Y

Giám hộ cho bị cáo N.T.B:

Bà N.T.H, sinh năm 19xx; Trú tại : Xã M, N, tỉnh X(Có mặt)

Bào chữa cho các bị cáo T.T.Đ, N.C.K, Đ.Q.D, N.T.B:

Ông N.C.T – Luật sư Giám đốc Công ty Luật TNHH MTV X Y thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 04/4/2022, T.T.Đ, Đ.Q.D, N.T.B, N.C.K, N.V.T cùng với H.T.N, Đ.T.T.D tổ chức uống rượu bia tại nhà trọ của V.T và D tại địa chỉ số

a đường L, phường B, quận X (V.T và D sống với nhau như vợ chồng). Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, N và D lên gác (tầng 2) ngủ, Đ, Q.D, B, C.K, V.T tiếp tục uống rượu, bia. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Đ rủ D, B, C.K, V.T đi cướp tài sản để có tiền tiêu xài, tất cả đồng ý. Lúc này, Bình điều khiển xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 60B5-xxx.79 chở Đ, Q.D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 50N1-xxx.09 chở C.K và V.T. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 05/4/2022, khi đến công viên đối diện nhà số 1 đường số b, phường X, quận Y, cả nhóm phát hiện anh H.K.T và chị Nguyễn P.L đang ngồi trên xe Honda Wave biển số 59K2-xxx.52 thì tất cả dừng xe, Đ, V.T, C.K bước xuống xe rồi xông đến dùng tay, chân đánh anh T. Sau đó, Đ lấy xe mô tô biển số 59K2-xxx.52 của anh T điều khiển chạy đi, Q.D, V.T, B và C.K điều khiển xe chạy theo về nhà trọ của V.T. Tại đây, tất cả gặp N nên Đ kêu N tìm người bán xe Honda Wave biển số 59K2-xxx.52, N điện thoại N.C.L hỏi có mua xe Wave không, L kêu N gửi hình ảnh xe Wave biển số 59K2-xxx.52 qua cho L xem, sau đó N kêu Đ chụp hình ảnh xe gửi cho N để gửi cho L. Sau khi xem hình ảnh xe, hai bên thống nhất giá mua bán là 6.000.000 đồng và hẹn gặp nhau tại quán nước địa chỉ số 1 đường a, khu phố x, phường B, quận D. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, L rủ H.V.T (bạn L) cùng đi mua xe, T đồng ý đi cùng L. Lúc này, Đ điều khiển xe Honda Wave (Đ đã tháo biển số 59K2-xxx.52 bỏ trong cốp xe) chở B, N điều khiển xe Honda Sonic biển số 60B5-xxx.79 chở K đến gặp L và T bán xe với giá 6.000.000 đồng; sau đó nhóm của Đ chia tiền bán xe như sau: Đ và V.T mỗi người hưởng lợi 1.500.000 đồng, Q.D, B và K mỗi người hưởng lợi 1.000.000 đồng, N không nhận tiền nhưng được cả nhóm dẫn đi ăn, uống. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, L và T tiếp tục đem xe trên bán lại cho Đ.T.D với giá 7.000.000 đồng, L và T mỗi người hưởng lợi 650.000 đồng, L cho T.D 200.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T.D tiếp tục bán xe trên cho N.T.T với giá 9.000.000 đồng, sau đó T tiếp tục bán xe cho P (chưa rõ lai lịch) với giá 10.000.000 đồng (khi liên hệ và thực hiện giao dịch mua bán xe mô tô Honda Wave biển số 59K2-xxx.52 thì N, T.D, T, L, T đều biết rõ xe mô tô trên do phạm tội mà có).

Đến khoảng 19 giờ ngày 13/4/2022, Đ, Q.D, V.T, C.K, B.T.K, N, D ngồi nhậu tại quán bia “X”, địa chỉ số 6 đường a, khu phố 1, phường X, quận Y. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày xảy ra mâu thuẫn với anh N.M.T, anh T.H.Q và khoảng 06 người bạn khác của T, H nên Đ, Q.D, V.T, T.K, C.K cùng với N, D đi về nhà trọ của V.T. Tại đây, Đ và V.T lên gác lấy 04 cây chĩa có 03 ngạnh

(03 cây ngắn, 01 cây dài) quay lại quán để đánh nhóm anh T, anh Q. Q.D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 50N1-xxx.09 chở Đ ngồi sau cầm 01 cây chia, V.T điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 59C1-xxx.23 chở C.K ngồi sau cầm 02 cây chia và T.K cầm 01 cây chia quay lại quán bia “X”. Khi tới quán Đ, T.K, C.K cầm cây chia xông vào đánh gây thương tích cho anh T và Q dẫn đến nhóm bên anh T bỏ chạy. Lúc này, Đ phát hiện xe Sirius biển số 66N1 – xxx81 của anh Q có gắn chìa khóa trên xe nên Đ đi lại lấy xe Sirius biển số 66N1 – xxx81, do bị 01 xe mô tô khác dựng phía sau nên V.T đi lại kéo, đẩy xe mô tô này ra cho Đ lấy xe Sirius biển số 66N1 – xxx81 rồi lên xe điều khiển tẩu thoát. Việc Đ, V.T chiếm đoạt xe Sirius biển số 66N1 – xxx.81 thì C.K, Q.D nhìn thấy nhưng không có bất kỳ phản ứng gì rồi tất cả lên xe mô tô về lại nhà trọ của V.T; còn T.K sau khi đánh nhau xong đã lên xe điều khiển đi về nhà. Sau đó, V.T điện thoại cho L bán xe mô tô Sirius biển số 66N1 – xxx81, L biết xe do phạm tội mà có nên đồng ý mua với giá 2.500.000 đồng. Đến khoảng 02 giờ ngày 14/4/2022, V.T, Đ, C.K, Q.D mang xe Sirius biển số 66N1 – xxx.81 đến địa chỉ số 71-73 X, phường a, Quận Z giao xe cho L lấy 2.500.000 đồng. L đưa trước 700.000 đồng cho Đ, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau. Sau khi mua xe L tháo biển số 66N1 – xxx.81 để trong cốp xe và gắn biển số 72F6-xxxx để sử dụng thì bị phát hiện và bắt giữ giữ.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ:

- 01 xe Honda Wave biển số 59K2-xxx.52: không thu giữ được
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 72F6-xxx3 và biển số 66M1-xxx.81. Kết luận giám định biển số 72F6-xxx3 là giả; kết luận giám định số khung, số máy chủ sở hữu xe trên là anh T.Q.C, sau đó anh C bán xe trên cho anh Q để sử dụng.
- 01 điện thoại Oppo màu đen số sim: 097768xxx thu giữ của bị cáo N.C.L dùng liên lạc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.
- 01 cây chia inox dài 175cm đã qua sử dụng dùng để đánh nhau bỏ lại hiện trường.
- 01 điện thoại Iphone màu hồng thu giữ của bị cáo N.T.T dùng liên lạc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.
- 01 điện thoại samsung và 01 điện thoại Vivo màu xanh thu giữ của bị cáo H.T.N dùng liên lạc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.
- 01 điện thoại Iphone 7 thu giữ của bị cáo T.T.Đ dùng liên lạc cướp tài sản.
- 01 điện thoại Iphone 6 thu giữ của Bùi T.K dùng liên lạc gia đình.

- 01 xe mô tô Honda biển số 51S4-3000. Qua xác minh chủ sở hữu xe trên là của anh T.T.Đ (HKTT: 2 Bạch Đằng, phường a, quận X, Thành phố Z), anh Đ cho Bùi T.K mượn xe đi lại, không biết T.K sử dụng đi cướp tài sản.
- 01 cái mũ bảo hiểm màu vàng, áo dài tay màu xanh, quần sọt màu xám thu của Bùi T.K mặc khi đánh nhau tại quán nhậu.
- 01 điện thoại Vivo màu xanh thu giữ của bị cáo Đ.T.D dùng liên lạc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.
- 01 điện thoại OppoA55 thu giữ của bị cáo H.V.T là tư vật của bị cáo không liên quan đến vụ án.
- 01 cây chĩa bằng kim loại dài 75cm thu giữ của bị cáo N.V.T đã qua sử dụng dùng để đánh nhau tại quán nhậu.
- 01 áo khoác màu đỏ sọc trắng, một áo thun màu đen, quần short Jean màu xanh thu giữ của N.V.T mặc trong vụ cướp tài sản.
- 01 xe mô tô biển số 59C1- xxx.23 thu giữ của N.V.T qua xác minh xe máy trên là của Đ.T.T.D là chủ sở hữu, chị D không biết Trung mượn xe đi cướp tài sản.
- 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng thu giữ của bị cáo N.V.T dùng liên lạc cướp tài sản.
- 01 điện thoại Iphone 6 màu xám thu giữ của bị cáo N.C.K dùng liên lạc cướp tài sản.
- 01 xe máy biển số 51U5-xxx2 thu giữ của bị cáo N.C.K qua giám định là xe biển số giả, số máy số khung bị mài không xác định.
- 01 xe mô tô biển số 51N1- xxx.09 thu giữ của bị cáo Đ.Q.D. Qua xác minh xe máy trên là của chị B.N.Y (HKTT: khóm 4, phường 1, TX X, Y) mua lại của N.B.N (HKTT: 63/4/3 An Dương Vương, phường Y, quận Z). Chị Y cho D mượn xe đi lại, không biết D sử dụng xe trên để cướp tài sản.
- 01 điện thoại Vivo màu xanh số sim: 079xxxxxxx thu giữ của bị cáo Đ.Q.D dùng liên lạc cướp tài sản.
- 01 áo sơ mi tay dài màu đen, một quần Jean màu xanh là đồ Đ.Q.D mặc để cướp tài sản.
- 01 điện thoại Galaxy Note 9 màu xanh hư ốp lưng thu giữ của bị cáo N.T.B dùng liên lạc cướp tài sản.
- 01 xe máy biển số 60B5- xxx.79 thu giữ của bị cáo N.T.B. Qua xác minh biển số 60B5- xxx.79 là giả. Xác minh số khung, số máy nguyên thủy xe trên của anh Đào X.Q (HKTT: ấp Trung Lương, xã X, Huyện L, tỉnh Y) bị mất trộm vào ngày 1/3/2021 có trình báo chính quyền địa phương việc mất xe trên.

Tất cả số vật chứng tạm giữ Công an quận Bình Tân chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 10/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe Yamaha Sirius biển số 66M1- xxx.81 trị giá 9.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 10/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe Honda Wave biển số 59K2-xxx.52 trị giá 14.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh H.K.T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 14.000.000 đồng, các bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường. Bị hại anh T.H.Q đã nhận lại xe nên không yêu bồi thường gì thêm.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Tân, T.T.Đ, Đ.Q.D, N.T.B, N.C.K, N.V.T, H.T.N, Đ.T.D, H.V.T, N.C.L, N.T.T đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Tân đã thu thập được.

Tại bản cáo trạng số: 55/CT-VKS ngày 16/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố bị cáo các bị cáo :

T.T.Đ, Đ.Q.D, N.C.K, N.V.T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

N.T.B về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

H.T.N, Đ.T.D, H.V.T, N.C.L, N.T.T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân sau khi phân tích nội dung vụ án, phân tích chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 168, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo T.T.Đ từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 168, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Đ.Q.D từ 06 năm đến 07 năm tù.

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 168, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt N.C.K từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 168, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo N.T.B từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 168, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo N.V.T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm Khoản 1 Điều 323, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo H.T.N, N.T.T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm i, s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo N.C.L từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo H.V.T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Đ.T.D từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm điểm a Khoản 1 Điều 46, điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a, c Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng:

Đề nghị trả lại cho ông T.H.Q 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius; số khung RLCS5C6K0-DY00xxx8, số máy 5C6K: 00xxx6 và biển số thật là 66M1-xxx.81 và tịch thu tiêu huỷ 01 biển số 72F6-xxx3(biển số giả); Trả lại cho

ông T.T.Đ 01 chiếc xe Honda biển số 51S4-xxx0, số khung 20011xxx0, số máy 1047xxx9; Trả lại cho bà Đ.T.T.D 01 chiếc xe gắn máy biển số 59C1-xxx.23 số máy JA39E0236xxx, số khung RLHJA3905HYxxx856; Trả lại cho bà B.N.Y 01 chiếc xe máy biển số 51N1-xxx.09; Trả lại cho ông Đào X.Q 01 chiếc xe máy biển số 60B5-xxx.79, số khung MH1KB1114KK2xxx74, số máy KB11E12xxx92.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại OPPO màu đen số sim 0977686380; 01 điện thoại di động Iphone màu hồng model IC 579C-E87A; 01 điện thoại di động Samsung số imel 352845/14/247156/7; 01 điện thoại di động Iphone 7 số imel 3553500898xxx56; 01 điện thoại Vivo màu xanh số sim: 079669xxxx; 01 chiếc điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh, số Imel 86473904976; 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng số Model 579-E3085A; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám số seri FKINV3Rxxxxaa, imel 35438206913xxx8; 01 điện thoại di động Galaxy Note 9 màu xanh hư ốp lưng số imel 3594480982xxxx1; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 số Model 579C-E2944A.

Đề nghị trả lại cho bị cáo H.T.N 01 điện thoại ViVo màu xanh; trả lại cho bị cáo H.V.T 01 chiếc điện thoại di động OPPO A55 số Imel 86678705382xxx.

Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 cây chia Inox dài 175cm đã qua sử dụng, 01 cây chia bằng kim loại dài 75cm; 01 nón bảo hiểm màu vàng, 01 áo dài tay màu xanh, 01 quần sọt màu xám, 01 cái áo khoát màu đỏ sọc trắng, áo thun màu đen, 01 quần short jean màu xanh; 01 áo sơ mi dài màu đen, 01 quần jean màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu vàng, 01 áo dài tay màu xanh, 01 quần sọt màu xám, 01 cái áo khoát màu đỏ sọc trắng, áo thun màu đen, 01 quần short jean màu xanh; 01 áo sơ mi dài màu đen, 01 quần jean màu xanh; 01 Tịch thu tiêu huỷ 01 biển số 72F6-xxx3(biển số giả).

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe gắn máy biển số 51U5-xxx2 qua giám định là biển số giả số máy số khung bị mài không xác định.

Bào chữa cho các bị cáo T.T.Đ, N.C.K, Đ.Q.D, N.T.B:

Luật sư đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và không có gì tranh luận thêm. Tuy nhiên luật sư phân tích thêm những tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo để Hội đồng xét xử khi lượng hình xem xét. Tất cả các bị cáo tại phiên toà hôm nay phạm tội khi còn quá trẻ thiếu sự quan tâm chăm sóc giáo dục từ gia đình, các bị cáo có cha và mẹ có cơ cấu không hoàn thiện đa phần là thiếu cha. Do đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Khoản 2 Điều

51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo để cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình và làm người công dân tốt cho xã hội.

Phát biểu tranh luận của Viện Kiểm sát:

Qua phần bào chữa của luật sư đối với các bị cáo không có gì mới. Khi đề nghị mức án của các bị cáo Viện kiểm sát đã cân nhắc những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo, vai trò của các bị cáo. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm không có gì tranh luận thêm.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra truy tố các bị cáo T.T.Đ, Đ.Q.D, N.T.B, N.C.K, N.V.T, H.T.N, Đ.T.D, H.V.T, N.C.L, N.T.T Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, với lời khai của bị hại, tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận bị cáo T.T.Đ, Đ.Q.D, N.T.B, N.C.K, N.V.T phạm tội “Cướp tài sản”. Các bị cáo H.T.N, Đ.T.D, H.V.T, N.C.L, N.T.T” phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được qui định tại Điều 168, Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài phục vụ cho nhu cầu của cá nhân mà

không phải thông qua lao động chân chính, bị cáo T.T.Đ đã rủ các bị cáo Đ.Q.D, N.C.K, N.T.B, N.V.T cùng nhau thực hiện hành vi cướp tài sản thì cả bọn đồng ý. Các bị cáo sử dụng xe gắn máy đi lòng vòng trên các tuyến đường để tìm kiếm tài sản sẵn để chiếm đoạt. Khi đến trước Công viên đối diện nhà số 19 đường số 24, phường B, quận X cả bọn phát hiện anh H.K.T đang ngồi trên xe Honda Wave biển số 59K2-xxx.52 nói chuyện với bạn gái tại công viên, bị cáo Đ, V.T, Q.D, K lao vào dùng tay chân đánh anh T, B ngồi trên xe cảnh giới, anh T bị đánh bất ngờ không thể chống cự được nên T.T.Đ đã leo lên xe Honda Wave biển số 59K2-xxx.52 của anh T chiếm đoạt và cùng đồng bọn tẩu thoát về nhà bị cáo V.T, sau đó bị cáo Đ đã nhờ bị cáo N liên hệ với N.C.L bán chiếc xe trên với giá 06 triệu đồng cả bọn chia nhau tiêu xài cá nhân, Đ được 1.500.000 đồng, V.T được 1.500.000 đồng, B, D, K mỗi bị cáo được 1.000.000 đồng.

Đến khoảng 23 giờ ngày 13/4/2022, tại quán bia “X”, địa chỉ số 606 a , khu phố 14, phường X, quận Y, do mâu thuẫn với bạn nhậu của anh N.M.T, T.H.Q các bị cáo Đ, C.K và đối tượng T.K đã có hành vi dùng cây chia xông vào đánh gây thương tích cho anh T và anh Q, bị đánh bất ngờ nên anh T và anh Q bỏ chạy để lại xe mô tô Sirius biển số 66N1 – xxx81 đang dựng trước quán. Tại phiên tòa các bị cáo Đ, C.K, V.T, Q.D khai biết rõ xe trên do anh Q để lại nhưng vẫn chiếm đoạt mang bán cho N.C.L

đi ra khỏi quán cướp xe mô tô Sirius biển số 66N1 – xxx81 trị giá 9.500.000 đồng của anh Q rồi cùng nhau tẩu thoát và mang bán cho N.C.L với giá 2.500.000 đồng L đưa trước cho Đ 700.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt trong hai vụ là 23.500.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng liều lĩnh hết sức táo bạo và liều lĩnh bất chấp pháp luật chỉ trong một thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện hai vụ cướp tài sản với hình thức manh động và liều lĩnh các bị cáo lợi dụng đêm khuya vắng người để thực hiện hành vi phạm tội, mà nghiêm trọng hơn các bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm phạm tội với số đông người tấn công gây thương tích cho bị hại, làm cho bị hại tê liệt hoàn toàn về mặt ý chí sau đó chiếm đoạt tài sản. Xét tính chất và vai trò của từng bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là vụ án có tổ chức nhưng ở mức độ đồng phạm giản đơn. Xét vai trò, tính chất mức độ của từng bị cáo trong vụ án, thì bị cáo bị cáo Đ giữ vai trò là chủ mưu rủ rê các bị cáo khác phạm tội đồng thời cũng là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại. Các bị cáo khác tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội tới cùng.

Đối với các bị cáo H.T.N, N.C.L, Đ.T.D, H.V.T, N.T.T biết rõ tài sản do phạm tội mà có nhưng vì hám lợi đã tiếp tay cho các bị cáo phạm tội. Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thì bị cáo N.C.L là người chủ mưu, trực tiếp mua 02 chiếc xe do các bị cáo T.T.Đ cùng đồng bọn mang đến bán để hưởng lợi số tiền 650.000 đồng. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác, các bị cáo N, T.T, T, D phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo L trong việc phạm tội. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố các bị cáo T.T.Đ, Đ.Q.D, N.T.B, N.C.K, N.V.T phạm tội “Cướp tài sản” các bị cáo H.T.N, Đ.T.D, H.V.T, N.C.L, N.T.T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 168, Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Tại Cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay, các bị cáo thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng các bị cáo T.T.Đ, N.C.K, Đ.Q.D, N.T.B phạm tội chưa đủ 18 tuổi, còn trong độ tuổi vị thành niên nên nhận thức về pháp luật và xã hội không cao, cần thiết khi lượng hình áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91 và 101 cho các bị cáo.

Do các bị cáo T.T.Đ, Đ.Q.D, N.C.K, N.V.T thực hiện hai lần về hành vi “Cướp tài sản” và bị cáo N.C.L, đã 02 lần thực hiện hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngoài ra bị cáo T.T.Đ có hành vi xúi dục các bị cáo Đ.Q.D, N.T.B, N.C.K phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo N, T.T, L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Đ.T.D bị cáo có nhân thân xấu là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo H.V.T đã bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản mặc dù đã được xóa án. Do đó khi lượng hình Hội đồng xét xử cân cân nhắc đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 168, khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh các bị cáo khó khăn nên miễn phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự : Tại phiên tòa bị hại H.K.T có mặt và có yêu cầu các bị cáo T.T.Đ, N.C.K, Đ.Q.D, N.T.B, N.V.T bồi thường số tiền 14.000.000

đồng giá trị chiếc xe mà các bị cáo đã chiếm đoạt cụ thể mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền 2.800.000 đồng. Đại diện hợp pháp của các bị cáo T.T.Đ, N.C.K, Đ.Q.D và bị cáo N.V.T đồng ý bồi thường số tiền nêu trên. Đây là sự thỏa thuận mang tính tự nguyện giữa các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận thu lợi số tiền bất chính cụ thể như sau: Bị cáo Đ khai trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thu lợi 1.500.000 đối với vụ cướp chiếc 59K2-xxx.52 và 700.000 đồng đối với vụ cướp chiếc xe biển số 66N1-xxx81, bị cáo V.T thu lợi 1.500.000 đồng; bị cáo Q.D, B, C.K mỗi bị cáo thu lợi 1.000.000 đồng, bị cáo Đ.T.D thu lợi số tiền tiền 1.700.000; bị cáo N.T.T thu lợi số tiền 1.000.000 đồng; bị cáo H.V.T thu lợi số tiền 650.000 đồng; bị cáo N.C.L thu lợi số tiền 650.000 đồng. Đại diện hợp pháp của các bị cáo vị thành niên và các bị cáo đồng ý nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về vật chứng vụ án : Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius; 01 biển số 72F6-xxx3(biển số giả), số khung RLCS5C6K0-DY0xxx68, số máy 5C6K: 00xxx6 và biển số thật là 66M1-xxx.81. Qua xác minh chiếc xe trên do anh T.Q.C đứng tên chủ sở hữu. Anh Q khai mua lại của anh C để sử dụng và có yêu cầu nhận lại chiếc xe trên Hội đồng xét xử quyết định trả xe lại cho anh Q và tịch thu tiêu hủy 01 biển số 72F6-xxx3(biển số giả).

Đối với 01 điện thoại OPPO màu đen số sim 09776xxxx0 thu giữ của bị cáo N.C.L, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 cây chia Inox dài 175cm đã qua sử dụng để đánh nhau bỏ lại hiện trường, 01 cây chia bằng kim loại dài 75cm, thu giữ của N.V.T. Đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu hồng model IC 579C-E87A thu giữ của bị cáo N.T.T, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung số imel 352845/14/247156/7 và 01 điện thoại ViVo màu xanh thu giữ của bị cáo H.T.N. Tại phiên tòa bị cáo khai chỉ sử dụng điện thoại Samsung vào việc phạm tội còn điện thoại Vivo là tư vật của bị cáo không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu

sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Samsung và trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Vivo màu xanh.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 7 số imel 3553500898xxx56 thu giữ của bị cáo Thanh T.Đ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 số Model 579C-E2944A thu giữ của Bùi T.K có liên quan đến việc phạm tội Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe Honda biển số 51S4-xxx0, số khung 20011xxx0, số máy 1047xxx9 qua xác minh do ông T.T.Đ đứng tên chủ sở hữu việc bị cáo Bùi T.K sử dụng vào việc phạm tội ông Đ không biết và có yêu cầu nhận lại chiếc xe nói trên Hội đồng xét xử xét quyết định trả xe lại cho ông T.T.Đ.

Đối với 01 nón bảo hiểm màu vàng, 01 áo dài tay màu xanh, 01 quần sọt màu xám thu giữ của Bùi T.K, 01 cái áo khoát màu đỏ sọc trắng, áo thun màu đen, 01 quần short jean màu xanh thu giữ của N.V.T; 01 áo sơ mi dài màu đen, 01 quần jean màu xanh thu giữ của Đ.Q.D Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh, số Imel 8647390xxx6 thu giữ của bị cáo Đ.T.D, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động OPPO A55 số Imel 8667870538xxx68 thu giữ của H.V.T bị cáo là tư vật của bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định tịch trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc xe gắn máy biển số 59C1-xxx.23 số máy JA39E02xxx58, số khung RLHJA3905HY2xxx56 qua xác minh do bà Đ.T.T.D đứng tên chủ sở hữu việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội bà D không biết nên Hội đồng xét xử quyết định trả chiếc xe trên cho bà D.

Đối với 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng số Model 579-E3085A thu giữ của bị cáo N.V.T bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Iphone 6 màu xám số seri FKINV3RFG5aa, imel 3543820691xxx78 thu giữ của N.C.K bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe gắn máy biển số 51U5-xxx2 thu giữ của bị cáo N.C.K qua giám định là biển số giả số máy số khung bị mài không xác định. Bị cáo khai

mua của một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 4 triệu đồng, bị cáo sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy biển số 51N1-xxx.09 thu giữ của Đ.Q.D qua xác minh do bà B.N.Y (Mẹ ruột của bị cáo) đứng tên chủ sở hữu, bị cáo sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội bà Y không biết nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bà B.N.Y.

Đối với 01 điện thoại di động ViVo màu xanh số sim 07966xxx72 thu giữ của bị cáo Đ.Q.D, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Galaxy Note 9 màu xanh hư ốp lưng số imel 3594480982xxx61 thu giữ của bị cáo N.T.B bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy biển số 60B5-xxx.79, số khung MH1KB1114KK2xxx74, số máy KB11E12xxx92 thu giữ của bị cáo N.T.B qua xác minh biển số xe trên là giả. Xác minh số khung, số máy nguyên thủy chiếc xe trên do anh Đào X.Q đứng tên chủ sở hữu. Anh Q bị mất trộm vào ngày 01/3/2021 có trình báo với chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho ông Đào X.Q.

Đối với hành vi cướp xe mô tô xe mô tô Sirius biển số 66N1 – xxx81 của anh T.H.Q vào ngày 13/4/2022, ban đầu các bị cáo chuẩn bị hung khí với mục đích gây thương tích cho anh T.H.Q, quá trình đánh nhau bị cáo T.T.Đ, Đ.Q.D, N.C.K, N.V.T chiếm đoạt xe của anh Q là bộc phát bị cáo H.T.N và Bùi T.K, Đ.T.T.D không bàn bạc, không tham gia việc chiếm đoạt xe xe mô tô Sirius biển số 66N1 – xxx81 của anh T.H.Q nên không xem xét vai trò đồng phạm cướp tài sản trong vụ án.

Đối với Bùi T.K (sinh ngày 04/8/2006) chỉ tham gia cùng bị cáo Đ và đồng phạm chuẩn bị hung khí với mục đích gây thương tích cho anh T.H.Q, không bàn bạc, không thực hiện việc chiếm đoạt xe mô tô Sirius biển số 66N1 – xxx81 của anh T.H.Q. Ngoài ra, T.K biết rõ bị cáo Đ cùng đồng phạm có hành vi cướp xe mô tô Sirius biển số 66N1 – xxx81 của anh Q nhưng lúc này T.K chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 390 Bộ luật hình sự. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý T.K là có cơ sở.

Đối với Đ.T.T.D chỉ tham gia đi cùng bị cáo Đ và đồng phạm với mục đích ngăn cản việc đánh nhau, không thực hiện việc chiếm đoạt xe xe mô tô Sirius

biển số 66N1 – xxx81 của anh T.H.Q nên không xem xét xử lý D vai trò đồng phạm cướp tài sản trong vụ án. Ngoài ra, D không biết bị cáo Đ cùng đồng phạm cướp xe mô tô Honda Wave biển số 59K2-xxx.52 của anh H.K.T ngày 04/4/2022, và đem xe đi bán lấy tiền tiêu xài, D không bàn bạc, thỏa thuận hay hưởng lợi gì nên không xem xét xử lý D vai trò đồng phạm “Cướp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” trong vụ án.

[8]Về án phí hình sự sơ thẩm : Bị cáo Thanh T.Đ, Đ.Q.D được miễn án phí theo qui định. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Xét lời bào chữa của Luật sư là có một phần cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 168, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo T.T.Đ 05(năm) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 168, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo N.C.K 04(bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 168, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đ.Q.D 06(sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản” Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 168, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo N.T.B 03(ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 168, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo N.V.T 10(mười) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 323; điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo H.T.N 01(một) năm 03(ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 323; điểm i, s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo N.C.L 01(một) năm 09(chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo H.V.T 01(một) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 323; điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo N.T.T 01(một) năm 03(ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đ.T.D 01(một) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2022.

2.Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 46, điểm a Khoản 1 Điều 47, Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ điểm a khoản 2 , điểm a khoản 3 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông T.H.Q 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius; số khung RLCS5C6K0-DY008xxx, số máy 5C6K: 008xxx và 01 biển số 66M1-xxx.81.

Trả lại cho ông T.T.Đ 01 chiếc xe Honda biển số 51S4-3xxx, số khung 200117xxx, số máy 10473xxx.

Trả lại cho bà Đ.T.T.D 01 chiếc xe gắn máy biển số 59C1-xxx8.23 số máy JA39E0236958, số khung RLHJA3905HY236856.

Trả lại cho bà B.N.Y 01 chiếc xe máy biển số 51N1-xxx.09, số máy E05xxx72; số khung GY0xx147.

Trả lại cho ông Đ.X.Q 01 chiếc xe máy biển số 60B5-xxx.79, số khung MH1KB1114KK2xxxx, số máy KB11E123xxx.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại OPPO màu đen số sim 0977686380; 01 điện thoại di động Iphone màu hồng model IC 579C-E87A; 01 điện thoại di động Samsung số imel 352845/14/247156/7; 01 điện thoại di động Iphone 7 số imel 3553500898xxx56; 01 điện thoại Vivo màu xanh số sim: 07966xxx72; 01 chiếc điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh, số Imel 86473904976; 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng số Model 579-E3085A; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám số seri FKINV3RFG5aa, imel 3543820691xxx78; 01 điện thoại di động Galaxy Note 9 màu xanh hư ốp lưng số imel 3594480982xxx61; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 số Model 579C-E2944A.

Trả lại cho bị cáo H.T.N 01 điện thoại ViVo màu xanh; trả lại cho bị cáo H.V.T 01 chiếc điện thoại di động OPPO A55 số Imel 8667870538xxx68.

Tịch thu tiêu huỷ 01 cây chĩa Inox dài 175cm đã qua sử dụng, 01 cây chĩa bằng kim loại dài 75cm; 01 nón bảo hiểm màu vàng, 01 áo dài tay màu xanh, 01 quần sọt màu xám, 01 cái áo khoát màu đỏ sọc trắng, áo thun màu đen, 01 quần short jean màu xanh; 01 áo sơ mi dài màu đen, 01 quần jean màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu vàng, 01 áo dài tay màu xanh, 01 quần sọt màu xám, 01 cái áo khoát màu đỏ sọc trắng, áo thun màu đen, 01 quần short jean màu xanh; 01 áo sơ mi dài màu đen, 01 quần jean màu xanh; 01 Tịch thu tiêu huỷ 01 biển số 72F6-xxx3(biển số giả).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe gắn máy biển số 51U5-xxx2 qua giám định là biển số giả số máy số khung bị mài không xác định.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số NK22/178/TAM ngày 10/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Buộc bà T.T.H đại diện hợp pháp của bị cáo T.T.Đ bồi thường cho ông H.K.T số tiền 2.800.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà N.T.T.K đại diện hợp pháp của bị cáo N.C.K thường cho ông H.K.T số tiền 2.800.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà B.N.Y đại diện hợp pháp của bị cáo Đ.Q.D bồi thường cho ông H.K.T số tiền 2.800.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà N.T.H đại diện hợp pháp của bị cáo N.T.B bồi thường cho ông H.K.T số tiền 2.800.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo N.V.T bồi thường cho ông H.K.T 2.800.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu đại diện hợp pháp của các bị cáo và bị cáo N.V.T không bồi thường số tiền nêu trên thì họ phải chịu thêm khoản tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bà T.T.H đại diện hợp pháp của bị cáo T.T.Đ nộp lại số tiền thu lợi bất chính 700.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Đ.T.D nộp lại số tiền 1.700.000 đồng thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo N.T.T nộp lại số tiền 1.000.000 đồng thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo H.V.T nộp lại số tiền 650.000 đồng thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo N.C.L nộp lại số tiền 650.000 đồng thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về án phí : Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, đại diện hợp pháp của bị cáo Đ.Q.D, đại diện hợp pháp của bị cáo N.T.B và bị cáo N.V.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bị cáo T.T.Đ, N.C.K, được miễn án phí theo qui định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa các bị cáo vị thành niên, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Chi cục thi hành án quận Bình Tân;
- Công an quận Bình Tân;
- Viện kiểm sát quận Bình Tân;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PC27 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tín

